

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH
Báo cáo tài chính đã được soát xét
Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị	1 - 2
2. Báo cáo kết quả soát xét Báo cáo tài chính	3 - 4
3. Bảng cân đối kế toán ngày 30/6/2010	5 - 6
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/6/2010	7
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ của thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010	8
6. Thuyết minh báo cáo tài chính	9 - 26

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Gạch men Thanh Thanh (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị Công ty đến ngày lập báo cáo tài chính này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
Ông Trịnh Bửu Tuân	Chủ tịch	
Bà Phan Thị Mỹ Linh	Thành viên	
Ông Trần Hưng Lương	Thành viên	
Ông Vũ Tam Đạo	Thành viên	
Bà Châu Thị Diệu Phương	Thành viên	

THÀNH VIÊN BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đến ngày lập báo cáo tài chính này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Trần Hưng Lương	Tổng Giám đốc
Ông Lê Xuân Thái	Phó Tổng Giám đốc

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát Công ty đến ngày lập báo cáo tài chính này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	
Bà Khương Thị Chăm	Trưởng Ban	
Ông Lê Xuân Thái	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 30/6/2010
Ông Nguyễn Minh Phong	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30/6/2010
Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 30/6/2010
Bà Nguyễn Ngọc Tuyền	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30/6/2010

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán tại Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

PHÊ DUYỆT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính đính kèm, bao gồm bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cùng với bảng thuyết minh. Các báo cáo này đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010.

Thay mặt Hội đồng Quản trị

Trịnh Bửu Tuân
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ngày 11 tháng 8 năm 2010

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 8 năm 2010

Số: /CA&A-BCSX

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán của Công ty Cổ phần Gạch men Thanh Thanh tại ngày 30/6/2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010, từ trang 05 đến trang 26 kèm theo. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đơn vị. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Phạm vi soát xét

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở cho ý kiến

Như được thuyết minh chi tiết tại mục số 7 – trang 18 và trang 19 – phần Thuyết minh các Báo cáo tài chính, Công ty đã hạch toán giá trị lợi thế thương mại phát sinh khi xác định giá trị doanh nghiệp, cổ phần hoá Công ty Gạch men Thanh Thanh như là một tài sản cố định vô hình và trích khấu hao với tỷ lệ 5%/năm trong các năm từ 2004 đến năm 2007. Năm 2008, Công ty thực hiện trích khấu hao với tỷ lệ là 10%/năm. Năm 2009 và thời kỳ 6 tháng đầu năm 2010, Công ty thực hiện trích khấu hao với tỷ lệ là 5%/năm. Hiện tại, Công ty đã phân loại giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại này sang tài khoản “Chi phí trả trước dài hạn” (mục số 10 – trang 20 – phần Thuyết minh các báo cáo tài chính). Giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại này (2.629.778.740 đồng) cần phải được kết chuyển hết vào chi phí của các năm 2004, 2005 và 2006.

Ý kiến soát xét

Vì tính trọng yếu nêu tại đoạn “ Cơ sở cho ý kiến”, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề như đã nêu trên, Báo cáo tài chính đã được soát xét kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Gạch men Thanh Thanh tại ngày 30/6/2010, cũng như kết quả sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho thời kỳ tài chính 6 tháng đầu năm kết thúc vào ngày 30/6/2010, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Nguyễn Văn Tuyên

Phó Giám đốc

Chứng chỉ KTV số: Đ.0111/KTV

Thay mặt và đại diện

Công ty TNHH Tư vấn và Kiểm toán CA&A

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 8 năm 2010

Hồ Đắc Hiếu

Kiểm toán viên

Chứng chỉ KTV số: 0458/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 6 năm 2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. Tài sản ngắn hạn	100		101.702.141.727	107.087.450.113
I. Tiền	110	V.01	5.178.086.025	11.116.451.295
1. Tiền	111		5.178.086.025	4.916.451.295
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	6.200.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	371.712.000	383.350.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		741.000.000	741.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(369.288.000)	(357.650.000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	V.03	15.414.523.818	13.883.601.138
1. Phải thu khách hàng	131		14.547.363.202	13.202.334.413
2. Trả trước cho người bán	132		832.853.742	590.986.826
3. Các khoản phải thu khác	138		1.024.426.174	646.412.283
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(990.119.300)	(556.132.384)
IV. Hàng tồn kho	140	V.04	79.629.087.201	80.043.575.960
1. Hàng tồn kho	141		79.629.087.201	80.263.575.960
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(220.000.000)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	V.05	1.108.732.682	1.660.471.720
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		178.960.695	224.720.737
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		811.627.023	1.223.549.519
3. Các khoản thuế phải thu	154		38.814.140	38.814.140
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		79.330.824	173.387.324
B. Tài sản dài hạn	200		64.449.328.469	69.273.201.960
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		55.966.752.437	62.823.201.960
1. TSCĐ hữu hình	221	V.06	53.774.978.130	60.088.232.066
- Nguyên giá	222		233.314.755.573	233.314.755.573
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(179.539.777.443)	(173.226.523.507)
2. TSCĐ vô hình	227	V.07	-	2.734.969.894
- Nguyên giá	228		-	4.207.646.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	(1.472.676.106)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.08	2.191.774.307	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.09	5.699.197.292	6.450.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		749.197.292	1.500.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		1.920.000.000	1.920.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		3.030.000.000	3.030.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260	V.10	2.783.378.740	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		2.629.778.740	-
2. Tài sản dài hạn khác	268		153.600.000	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		166.151.470.196	176.360.652.073

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 6 năm 2010

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Ghi chú	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. Nợ phải trả	300		103.449.745.564	106.427.796.014
I. Nợ ngắn hạn	310		96.007.796.702	98.205.197.532
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.11	47.704.351.268	56.347.086.415
2. Phải trả cho người bán	312	V.12	43.832.069.605	36.246.874.853
3. Người mua trả tiền trước	313	V.12	642.560.488	443.861.847
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	V.13	10.935.733	84.603.824
5. Phải trả công nhân viên	315	V.14	1.228.575.031	2.243.799.136
6. Chi phí phải trả	316	V.15	309.885.302	256.698.636
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.16	1.821.423.887	1.650.177.433
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		457.995.388	932.095.388
II. Nợ dài hạn	330	V.17	7.441.948.862	8.222.598.482
1. Phải trả dài hạn khác	333		5.340.000.000	5.420.000.000
2. Vay và nợ dài hạn	334		2.101.948.862	2.802.598.482
B. Nguồn vốn chủ sở hữu	400	V.18	62.701.724.632	69.932.856.059
I. Nguồn vốn - Quỹ	410		62.701.724.632	69.932.856.059
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		59.923.480.000	59.923.480.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		313.744.700	313.744.700
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		424.272.909	424.272.909
4. Cổ phiếu quỹ	414		(652.100.000)	(652.100.000)
5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	415		(26.778.997)	(194.789.995)
6. Quỹ đầu tư phát triển	417		5.468.736.977	5.267.122.819
7. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.487.865.606	1.472.865.606
8. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		100.000.000	100.000.000
9. Lợi nhuận chưa phân phối	420		(4.337.496.564)	3.278.260.020
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	420		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	430		166.151.470.196	176.360.652.073
CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài				
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công				
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gởi, ký cược				
4. Nợ khó đòi đã xử lý			60.100.728	7.450.700
5. Ngoại tệ tiền mặt và tiền gửi NH (USD)			136.995,42	204.249,08
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án				

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Biên Hoà, ngày 11 tháng 8 năm 2010
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho thời kỳ tài chính 6 tháng đầu năm kết thúc vào ngày 30/6/2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	Kỳ này (Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010)	Kỳ trước (Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/6/2009)
1. Doanh thu bán hàng	01		114.021.151.855	91.174.223.612
2. Các khoản giảm trừ	03		405.364.136	1.267.352.332
3. Doanh thu thuần	10	VI.01	113.615.787.719	89.906.871.280
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	108.499.967.727	81.213.155.519
5. Lợi nhuận gộp	20		5.115.819.992	8.693.715.761
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	336.481.823	277.352.188
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	3.118.458.877	2.366.974.401
- Trong đó: lãi vay	23		2.984.090.326	2.134.147.679
8. Chi phí bán hàng	24	VI.05	3.799.946.922	2.321.379.025
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.06	3.119.610.745	2.467.427.559
10. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh	30		(4.585.714.729)	1.815.286.964
11. Thu nhập khác	31	VI.07	309.492.249	330.256.996
12. Chi phí khác	32	VI.08	89.305.946	89.030.752
13. Lợi nhuận khác	40		220.186.303	241.226.244
14. Tổng lợi nhuận/ (lỗ) trước thuế	50		(4.365.528.426)	2.056.513.208
15. Chi phí thuế doanh nghiệp hiện hành	51		-	162.271.741
16. Chi phí thuế doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(4.365.528.426)	1.894.241.467
18. Lợi nhuận cơ bản trên cổ phiếu	70		-	1.419

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Biên Hoà, ngày 11 tháng 8 năm 2010

Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho thời kỳ tài chính 6 tháng đầu năm kết thúc vào ngày 30/6/2010

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
		(Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010)	(Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/6/2009)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	01	(4.365.528.426)	2.056.513.208
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	4.840.577.830	6.237.127.633
Các khoản dự phòng	03	225.624.916	-
Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(26.778.997)	87.110.010
Lãi/lỗ do từ hoạt động đầu tư	05	(84.293.819)	(153.600.000)
Chi phí lãi vay	06	2.984.090.326	2.134.147.679
Lợi nhuận thay đổi vốn lưu động	08	3.573.691.830	10.361.298.530
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(1.612.530.600)	932.289.215
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	634.488.759	10.906.502.406
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	6.301.984.317	(8.181.671.617)
Tăng/ giảm chi phí trả trước	12	(2.584.018.698)	(401.473.230)
Tiền lãi vay đã trả	13	(2.984.090.326)	(2.069.825.609)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	(798.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	3.329.525.282	10.749.119.695
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	2.015.871.693	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(100.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	750.802.708	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	84.293.819	153.600.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	2.850.968.220	53.600.000
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn	33	84.247.924.934	72.318.564.430
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(93.591.309.701)	(77.171.584.349)
Cổ tức, lợi nhuận trả cho chủ sở hữu	36	(2.970.264.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(12.313.648.767)	(4.853.019.919)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ			
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	11.116.451.295	1.198.698.813
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61	194.789.995	(87.110.010)
Tiền tồn cuối kỳ	70	5.178.086.025	7.061.288.579

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

Biên Hoà, ngày 11 tháng 8 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính được đính kèm.

I. Đặc điểm hoạt động doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Gạch men Thanh Thanh (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Gạch Men Thanh Thanh – Đơn vị thành viên Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 theo Quyết định số 1760/QĐ-BXD ngày 22 tháng 12 năm 2003 của Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 4703000091 ngày 02 tháng 01 năm 2004 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 6 ngày 09 tháng 12 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là: **59.923.480.000 đồng**

Cổ đông góp vốn	Giá trị vốn góp theo GCN đăng ký kinh doanh	Vốn góp thực tế đến 30/6/2010
Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1	20.400.000.000 đồng	20.400.000.000 đồng
Các cổ đông khác	39.523.480.000 đồng	39.523.480.000 đồng
Cổ phiếu quỹ	-	(652.100.000) đồng
Cộng	59.923.480.000 đồng	59.271.380.000 đồng

Trụ sở hoạt động: Đường số 1, Khu Công Nghiệp Biên Hoà 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai.

Tổng số công nhân viên Công ty: người.

2. Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất và mua bán các loại vật liệu xây dựng;
- Mua bán vật tư và xuất nhập khẩu vật liệu xây dựng;
- Đầu tư và kinh doanh địa ốc, cơ sở hạ tầng;
- Xây lắp công nghiệp;
- Khai thác và chế biến khoáng sản;
- Kinh doanh vận tải và dịch vụ du lịch;
- Tư vấn, chuyển giao công nghệ sản xuất vật liệu xây dựng.

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

4. Một số ảnh hưởng thuyết yếu đến hoạt động kinh doanh của thời kỳ tài chính 6 tháng đầu năm 2010

Trong tháng 01 và tháng 02/2010, Công ty tiến hành ngừng sản xuất do ảnh hưởng của tết Nguyên Đán 2010 và do thành phẩm tồn kho nhiều nên Công ty tiến hành trích khấu hao chủng loại máy móc thiết bị thuộc tài sản cố định hữu hình 5 tháng trong 6 tháng đầu năm 2010, và Công ty sẽ trích khấu hao 7 tháng của chủng loại tài sản này vào 6 tháng cuối năm 2010.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01, kết thúc ngày 31/12 hàng năm.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán áp dụng

1. Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam được Bộ Tài Chính ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư bổ sung số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009.
2. Các Báo cáo tài chính đính kèm được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.
3. Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2. Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ do Công ty sử dụng được hạch toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm, các khoản mục tài sản và công nợ mang tính chất tiền tệ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá quy định vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm được hạch toán như sau (theo nội dung Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài chính):

- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm đối với tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản công nợ ngắn hạn (1 năm trở xuống) thì không hạch toán vào chi phí hoặc thu nhập mà để số dư trên báo cáo tài chính, đầu năm sau ghi bút toán ngược lại để xóa số dư.

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm đối với các khoản phải thu dài hạn, sau khi bù trừ, chênh lệch còn lại được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm đối với các khoản phải trả dài hạn, sau khi bù trừ, chênh lệch còn lại được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trường hợp hạch toán chênh lệch tỷ giá hối đoái vào chi phí làm cho kết quả kinh doanh của Công ty bị lỗ thì có thể phân bổ một phần chênh lệch tỷ giá cho năm sau để Công ty không bị lỗ nhưng mức hạch toán vào chi phí trong năm ít nhất cũng phải bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong năm đó. Số chênh lệch tỷ giá còn lại sẽ được theo dõi và tiếp tục phân bổ vào chi phí cho các năm sau nhưng tối đa không quá 5 năm.

3. Chính sách kế toán với hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

5. Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định

Tài sản cố định được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị lợi thế thương mại phát sinh khi thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp, cổ phần hoá Công ty Gạch men Thanh Thanh.

Khấu hao tài sản cố định

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 30 năm
Máy móc thiết bị	10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	7 - 14 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06 năm
Lợi thế thương mại	10- 20 năm

6. Chi phí lãi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi phát sinh, trừ trường hợp chúng được vốn hóa theo quy định.

Lãi tiền vay của các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng tài sản cố định trong giai đoạn trước khi hoàn thành đưa vào sử dụng sẽ được cộng vào nguyên giá tài sản.

Lãi tiền vay của các khoản vay khác được ghi nhận là chi phí hoạt động tài chính ngay khi phát sinh.

7. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng nợ phải trả được ghi nhận khi đã xác định chắc chắn nghĩa vụ nợ phải trả vào ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng trợ cấp mất việc làm: Công ty trích lập với tỷ lệ 3% tổng quỹ lương đóng bảo hiểm y tế và bảo hiểm xã hội.

Dự phòng phải trả được ghi nhận theo phương pháp lập thêm hoặc hoàn nhập theo số chênh lệch giữa số dự phòng phải trả phải lập năm nay so với số dự phòng phải trả đã lập năm trước.

8. Nguyên tắc ghi nhận vốn và trích lập các quỹ

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vô cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu niêm yết.

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế số cổ phiếu do công ty phát hành sau đó mua lại được trừ vào vốn chủ sở hữu của Công ty. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên.

9. Ghi nhận doanh thu và chi phí

Khi bán hàng hóa, thành phẩm, doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc hàng bán bị trả lại.

Chi phí

Chi phí được ghi nhận khi thực tế phát sinh và tương xứng với doanh thu.

10. Thuế

Theo quy định tại Thông tư số 128/2003/TT-BTC ngày 22/12/2003 của Bộ Tài Chính về quy định chi tiết thi hành luật thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) và Thông tư số 88/2004/TT-BTC ngày 01/9/2004 của Bộ tài Chính về sửa đổi bổ sung Thông tư số 128/2003/TT-BTC ngày 22/12/2003 của Bộ Tài Chính và các quy định có liên quan khác, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 15%, được miễn thuế TNDN trong 03 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế TNDN phải nộp trong 07 năm tiếp theo. Công ty có cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh trước năm 2007 nên Công ty được giảm thêm 50% số thuế TNDN phải nộp 02 năm kể từ khi thực hiện giao dịch ngoài các ưu đãi trên theo quy định của Luật thuế TNDN. Tổng hợp các ưu đãi nói trên, Công ty tự xác định được miễn thuế TNDN trong 05 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế TNDN phải nộp trong 05 năm tiếp theo.

Khoản sai biệt giữa thuế phải trả theo sổ sách kế toán của Công ty và số liệu do kiểm tra quyết toán thuế của cơ quan thuế sẽ được điều chỉnh khi phát sinh.

Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được khấu trừ và các khoản lỗ do các năm trước mang sang, nếu có.

Ngoài thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp các khoản thuế khác theo các quy định về thuế hiện hành.

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày lập bảng cân đối kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

11. Lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp

Tiền lương được tính toán và trích lập đưa vào chi phí trong kỳ dựa theo quy chế lương của Công ty. Theo đó, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cũng được trích lập với tỷ lệ là 22%, 4.5% và 2% tương ứng tiền lương của người lao động. Theo đó, tỷ lệ 20% sẽ được đưa vào chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp trong kỳ; và 8.5% sẽ được trích từ lương của người lao động.

12. Đầu tư tài chính

Đầu tư vào các công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác

Các khoản đầu tư chứng khoán và đầu tư khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào tổ chức kinh tế được lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ vốn góp của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết trên thị trường chứng khoán khi giá trị thị trường thấp hơn giá trị sổ sách. Các chứng khoán không niêm yết: Nếu có cơ sở thu thập, dự phòng giảm giá chứng khoán sẽ được trích lập vào chi phí trong kỳ; Nếu không có cơ sở để xác định một cách đáng tin cậy giá trị hợp lý của chúng, sẽ được ghi nhận theo giá mua ban đầu.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

13. Các bên liên quan

Một bên được xem là có liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng đáng kể đến các hoạt động cũng như tài chính của Công ty. Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các bên có liên quan, nếu có, sẽ được trình bày trong các báo cáo tài chính.

14. Số liệu so sánh

Số dư đầu kỳ đã được sắp xếp lại cho phù hợp với việc trình bày báo cáo tài chính của thời kỳ tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính 6 tháng đầu năm kết thúc vào ngày 30/6/2010

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong bảng cân đối kế toán

1. Tiền và các khoản tương đương tiền		30/6/2010	01/01/2010
Tiền mặt		512.716.973	826.137.422
Tiền gửi ngân hàng	(1.1)	4.665.369.052	4.090.313.873
Các khoản tương đương tiền		-	6.200.000.000
Cộng		5.178.086.025	11.116.451.295

(1.1) Bao gồm:

Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ (136,995.42 USD)		2.540.443.068	
Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ (11,324.47 EUR)		263.959.250	
Tiền gửi ngân hàng bằng VND		1.860.966.734	
Cộng			4.665.369.052

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		30/6/2010	01/01/2010
Đầu tư ngắn hạn		741.000.000	741.000.000
Cộng		741.000.000	741.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(2.1)	(369.288.000)	(357.650.000)
Giá trị thuần khoản đầu tư ngắn hạn		371.712.000	383.350.000

(2.1): Chi tiết trích lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn như sau:

Tên cổ phiếu	Số lượng	Đơn giá tồn	Giá trị đầu tư	Đơn giá thị trường	Trị giá dự phòng
	tồn	bình quân			
REE	6.160	44.156	272.000.000	20.700	(144.488.000)
DHA	3.000	67.667	203.000.000	47.000	(62.000.000)
SSI	3.000	88.667	266.000.000	34.400	(162.800.000)
Cộng	12.160		741.000.000		(369.288.000)

3. Các khoản phải thu ngắn hạn		30/6/2010	01/01/2010
Phải thu khách hàng	(3.1)	14.547.363.202	13.202.334.413
Trả trước người bán	(3.2)	832.853.742	590.986.826
Phải thu khác	(3.3)	1.024.426.174	646.412.283
Cộng		16.404.643.118	14.439.733.522
Dự phòng phải thu khó đòi		(990.119.300)	(556.132.384)
Giá trị thuần các khoản phải thu ngắn hạn		15.414.523.818	13.883.601.138

(3.1) Bao gồm:

Phải thu khách hàng bằng VND		11.592.636.418	
Phải thu khách hàng bằng ngoại tệ (159,336.00 USD)		2.954.726.784	
Cộng			14.547.363.202

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính 6 tháng đầu năm kết thúc vào ngày 30/6/2010

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(3.2) Bao gồm:	30/6/2010	
Trả trước người bán bằng ngoại tệ (13,840.00 USD)	256.648.960	
Trả trước người bán bằng VND	576.204.782	
Cộng		832.853.742
(3.3) Bao gồm:	30/6/2010	
Tài sản thiếu chờ xử lý	56.845.480	
Khoản tiền cho mượn thanh toán không hợp đồng và không lãi suất đến các nhân viên	450.000.000	
Thuế TNCN phải thu từ nhân viên	24.888.533	
Khoản trợ cấp thôi việc tạm chi cho nhân viên, Công ty đang tiến hành soạn thảo Công văn gửi đến các cấp có thẩm quyền đề cập đến sự hỗ trợ về khoản chi này	374.266.587	
Khoản cho mượn vật tư đến các khách hàng	96.025.574	
Phải thu Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 về khoản hỗ trợ kinh phí đào tạo công nhân viên	22.400.000	
Cộng		1.024.426.174
4. Hàng tồn kho	30/6/2010	01/01/2010
Nguyên vật liệu	23.506.541.392	23.937.528.586
Công cụ, dụng cụ	1.913.152.456	1.880.249.025
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.160.000.000	756.041.195
Thành phẩm	51.976.883.942	53.535.555.636
Hàng hoá	72.509.411	154.201.518
Cộng giá gốc hàng tồn kho	79.629.087.201	80.263.575.960
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(220.000.000)
Giá trị thuần có thể thực hiện	79.629.087.201	80.043.575.960
5. Tài sản ngắn hạn	30/6/2010	01/01/2010
Chi phí trả trước ngắn hạn (5.1)	178.960.695	224.720.737
Thuế GTGT được khấu trừ	811.627.023	1.223.549.519
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước (5.2)	38.814.140	38.814.140
Tạm ứng đến nhân viên Công ty	79.330.824	102.107.324
Khoản ký quỹ thuê kho An Sương	-	71.280.000
Cộng	1.108.732.682	1.660.471.720
(5.1) Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ.		
(5.2) Thuế TNDN nộp thừa.		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính 6 tháng đầu năm kết thúc vào ngày 30/6/2010

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

6. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	23.687.500.786	203.049.221.638	6.291.795.497	286.237.652	233.314.755.573
Tăng	-	-	-	-	-
Giảm	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	23.687.500.786	203.049.221.638	6.291.795.497	286.237.652	233.314.755.573
Hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	15.938.103.980	153.066.354.191	3.935.827.684	286.237.652	173.226.523.507
Tăng	538.884.821	5.561.435.131	212.933.984	-	6.313.253.936
Giảm	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	16.476.988.801	158.627.789.322	4.148.761.668	286.237.652	179.539.777.443
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	7.749.396.806	49.982.867.447	2.355.967.813	-	60.088.232.066
Số dư cuối kỳ	7.210.511.985	44.421.432.316	2.143.033.829	-	53.774.978.130

Nguyên giá của tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 1.306.781.383 đồng.

Nguyên giá của tài sản cố định cầm cố, thế chấp tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Đồng Nai để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn là 225.156.084.502 đồng.

7. Tài sản cố định vô hình

	Lợi thế thương mại	Cộng
Nguyên giá		
Số dư đầu kỳ	4.207.646.000	4.207.646.000
Tăng	-	-
Giảm	4.207.646.000	4.207.646.000
Số dư cuối kỳ	-	-
Hao mòn lũy kế		
Số dư đầu kỳ	1.472.676.106	1.472.676.106
Tăng	105.191.150	105.191.150
Giảm	1.577.867.256	1.577.867.256
Số dư cuối kỳ	-	-
Giá trị còn lại		
Số dư đầu kỳ	2.734.969.894	2.734.969.894
Số dư cuối kỳ	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính 6 tháng đầu năm kết thúc vào ngày 30/6/2010

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị lợi thế thương mại phát sinh khi thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp, cổ phần hóa Công ty Gạch men Thanh Thanh. Giá trị lợi thế thương mại đã được hạch toán là tài sản cố định vô hình và trích khấu hao với tỷ lệ 5%/năm trong các năm từ 2004 đến năm 2007. Năm 2008, Công ty thực hiện trích khấu hao với tỷ lệ là 10%/năm. Năm 2009 và thời kỳ 6 tháng đầu năm 2010, Công ty thực hiện trích khấu hao với tỷ lệ là 5%/năm. Giá trị tài sản vô hình giảm do được phân loại sang chi phí chờ kết chuyển.

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	30/6/2010	01/01/2010
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	(8.1) 2.191.774.307	-
Cộng	2.191.774.307	-

(8.1): Chi phí xây dựng và lắp đặt thiết bị của dự án đầu tư chuyển đổi nhiên liệu đốt cho 05 lò nung và 02 lò sấy đứng của các Phân xưởng sản xuất từ LPG sang sử dụng khí CNG theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 11/NQ-HĐQT ngày 11/02/2010.

9. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	30/6/2010	01/01/2010
Đầu tư vào Công ty con	(9.1) 749.197.292	1.500.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết	(9.2) 1.920.000.000	1.920.000.000
Đầu tư dài hạn khác	(9.3) 3.030.000.000	3.030.000.000
Cộng	5.699.197.292	6.450.000.000

(9.1): Đầu tư vào công ty con là Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại VLXD Thanh Thanh (vốn điều lệ là 6 tỷ đồng). Tính đến 30/6/2009, Công ty chỉ góp vốn vào công ty này là 2 tỷ đồng. Do Công ty dự định giải thể công ty con này, nên từ 30/6/2009 đến nay, Công ty đã rút vốn đầu tư là 1.250.802.708 đồng. Số dư khoản đầu tư vào công ty con đến 30/6/2010 là 749.197.292 đồng.

Hiện tại, Công ty đang tiến hành các thủ tục pháp lý để chính thức giải thể công ty con này.

(9.2): Đầu tư vào công ty liên kết là Công ty Cổ phần Bao bì và Khoáng sản số 1 với số tiền là 1.920.000.000 đồng chiếm 24% vốn điều lệ (vốn điều lệ là 8 tỷ đồng). Trong thời kỳ tài chính này, Công ty chưa nhận được khoản cổ tức hay lợi nhuận được chia nào từ khoản đầu tư này.

(9.3): Đầu tư dài hạn khác là khoản đầu tư mua 300.000 cổ phiếu trị giá 3.030.000.000 đồng (trong đó, 290.000 cổ phiếu mang tên Công ty và 10.000 cổ phiếu chuyển sang mang tên Ông Trần Hưng Lương - Tổng Giám đốc Công ty theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 62/NQ-HĐQT ngày 24/9/2007) của Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Cosevco, chiếm 11,53% vốn điều lệ (vốn điều lệ là 26 tỷ đồng). Trong thời kỳ tài chính này, Công ty chưa nhận được bất kỳ khoản cổ tức hay lợi nhuận được chia nào từ khoản đầu tư này.

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính 6 tháng đầu năm kết thúc vào ngày 30/6/2010

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

10. Tài sản dài hạn khác		30/6/2010	01/01/2010
Chi phí trả trước dài hạn	(10.1)	2.629.778.740	-
Khoản ký quỹ thuê kho ở An Sương	(10.2)	153.600.000	-
Cộng		2.783.378.740	-

(10.1): Giá trị còn lại của lợi thế thương mại chờ kết chuyển.

(10.2): Khoản ký quỹ thuê kho chứa hàng hóa có diện tích 1.280 m² tại khuôn viên Xí nghiệp Dịch vụ Vận tải - Kho bãi Bình Tây với Công ty Sản xuất Thương mại Xuất Nhập khẩu Tây Nam theo hợp đồng thuê mặt bằng số 32/HĐTMB-XNDV.TN-2010 ngày 01/01/2010 được ký giữa 02 bên. Theo đó, Công ty phải ký quỹ số tiền 153.600.000 đồng tương đương với 03 tháng tiền thuê.

11. Vay và nợ ngắn hạn		30/6/2010	01/01/2010
Vay ngắn hạn bằng đồng Việt Nam		43.453.914.001	54.349.684.897
Vay ngắn hạn bằng ngoại tệ (USD)		2.052.386.129	-
Nợ dài hạn đến hạn trả		2.198.051.138	1.997.401.518
Cộng		47.704.351.268	56.347.086.415

Chi tiết các khoản nợ vay

Vay từ	Số dư nợ vay đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số dư nợ vay cuối kỳ
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển				
Đồng Nai bằng VND (11.1)	54.349.684.897	81.488.838.805	92.384.609.701	43.453.914.001
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển				
Đồng Nai bằng ngoại tệ (11.1)	-	2.759.086.129	706.700.000	2.052.386.129
Nợ dài hạn đến hạn trả (11.2)	1.997.401.518	700.649.620	500.000.000	2.198.051.138
Cộng	56.347.086.415	84.948.574.554	93.591.309.701	47.704.351.268

(11.1) Vay từ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Đồng Nai theo hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 03/2010/HĐ ngày 07/4/2010 với hạn mức tín dụng là 60 tỷ đồng (bao gồm cả vay bằng VND và ngoại tệ), thời gian được cấp mức hạn mức này là 12 tháng kể từ ngày 07/4/2010. Mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay được ghi trên từng giấy nhận nợ nhưng không quá 08 tháng, lãi suất vay được ghi trên từng giấy nhận nợ. Số dư nợ vay tại ngày 30/6/2010 là 43.453.914.001 đồng và 110,676.56 USD. Tài sản dùng để đảm bảo cho khoản vay này được thuyết minh chi tiết tại mục số 6.

(11.2): Phần ngắn hạn của khoản vay dài hạn từ Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1.

12. Phải trả người bán và người mua ứng trước		30/6/2010	01/01/2010
Phải trả người bán	(12.1)	43.832.069.605	36.246.874.853
Người mua ứng trước	(12.2)	642.560.488	443.861.847
Cộng		44.474.630.093	36.690.736.700

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính 6 tháng đầu năm kết thúc vào ngày 30/6/2010

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(12.1) Bao gồm:	30/6/2010	
Phải trả người bán bằng ngoại tệ (131,623.70 USD)	2.440.829.893	
Phải trả người bán bằng VND	41.391.239.712	
Cộng		43.832.069.605
(12.2) Bao gồm:	30/6/2010	
Người mua ứng trước bằng ngoại tệ (26,415.80 USD)	489.854.595	
Người mua ứng trước bằng VND	152.705.893	
Cộng		642.560.488
13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	30/6/2010	01/01/2010
Thuế thu nhập từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất	-	81.580.752
Thuế TNCN phải nộp	10.935.733	3.023.072
Cộng	10.935.733	84.603.824
14. Phải trả công nhân viên	30/6/2010	01/01/2010
	1.228.575.031	2.243.799.136
15. Chi phí phải trả	30/6/2010	01/01/2010
Chi phí lãi vay còn phải trả cho Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1	309.885.302	256.698.636
Cộng	309.885.302	256.698.636
16. Phải trả khác	30/6/2010	01/01/2010
Tài sản thừa chờ xử lý	75.971.092	-
Kinh phí công đoàn	162.155.138	108.706.561
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp còn phải nộp	182.675.668	241.296.530
Cổ tức còn phải trả cho các cổ đông	-	11.650.000
Phải trả Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 về kinh phí hỗ trợ đào tạo nâng cấp tay nghề công nhân	700.000.000	700.000.000
Khoản thuế TNDN phải nộp liên quan đến việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở Bình Dương	631.851.389	550.270.637
Phải trả thù lao Hội đồng Quản trị	9.000.000	-
Và các khoản khác	59.770.600	38.253.705
Cộng	1.821.423.887	1.650.177.433

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính 6 tháng đầu năm kết thúc vào ngày 30/6/2010

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

17. Nợ dài hạn	30/6/2010	01/01/2010
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	5.340.000.000	5.420.000.000
Vay dài hạn từ Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1	4.300.000.000	4.800.000.000
Trừ nợ dài hạn đến hạn trả (Mục 11.2)	(2.198.051.138)	(1.997.401.518)
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	-	-
Cộng	7.441.948.862	8.222.598.482

Vay dài hạn từ Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 theo hợp đồng vay vốn số 02/07/HĐVV-TTHANH ngày 25/12/2006 với mục đích bổ sung vốn lưu động. Ngày đáo hạn là 31/12/2011, lãi suất 0,2%/tháng. Khoản vay này là vay tín chấp.

18. Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu	<i>Đơn vị tính: ngàn đồng</i>			
	Đầu năm	Tăng	Giảm	Cuối kỳ
Vốn góp	59.923.480	-	-	59.923.480
Thặng dư cổ phần	313.745	-	-	313.745
Vốn khác chủ sở hữu	424.273	-	-	424.273
Cổ phiếu quỹ	(652.100)	-	-	(652.100)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(194.790)	194.790	26.779	(26.779)
Quỹ đầu tư phát triển	5.267.123	201.614	-	5.468.737
Quỹ dự phòng tài chính	1.472.866	15.000	-	1.487.866
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	100.000	-	-	100.000
Lợi nhuận chưa phân phối	3.278.260	(4.353.878)	3.261.878	(4.337.497)
Cộng	69.932.856	(3.942.474)	3.288.657	62.701.725

Lợi nhuận chưa phân phối tăng do:

Hoàn nhập cổ tức không phải trả cho cổ đông	11.650.000
Lỗ từ kết quả kinh doanh trong kỳ	(4.365.528.426)
Cộng	(4.353.878.426)

Lợi nhuận chưa phân phối giảm do:

Trích lập quỹ đầu tư phát triển	201.614.158
Trích lập quỹ dự phòng tài chính	15.000.000
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	75.000.000
Chia cổ tức từ kết quả kinh doanh năm 2008	2.970.264.000
Cộng	3.261.878.158

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính 6 tháng đầu năm kết thúc vào ngày 30/6/2010

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

18. a. Chi tiết vốn đầu tư

Đơn vị tính: ngàn đồng

Nội dung	Kỳ này			Năm trước		
	Tổng số	Cổ phần thường	Cổ phần ưu đãi	Tổng số	Cổ phần thường	Cổ phần ưu đãi
Vốn Nhà nước	20.400.000	20.400.000	-	20.400.000	20.400.000	-
Vốn cổ đông	39.523.480	39.523.480	-	39.523.480	39.523.480	-
Thặng dư	313.745	313.745	-	313.745	313.745	-
CP quỹ	(652.100)	(652.100)	-	(652.100)	(652.100)	-
Cộng	59.585.125	59.585.125	-	59.585.125	59.585.125	-

18. b. Cổ phiếu

	Kỳ này	Năm trước
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	5.992.348	5.992.348
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn	5.992.348	5.992.348
- Cổ phiếu thường	5.992.348	5.992.348
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	51.820	51.820
- Cổ phiếu thường	51.820	51.820
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.940.528	5.940.528
- Cổ phiếu thường	5.940.528	5.940.528
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là: 10.000 đồng/cổ phiếu.

18. c. Chi tiết thành viên góp vốn

Thành viên góp vốn	Tỷ lệ	Theo GCN đăng ký kinh doanh	Vốn góp thực tế 30/6/2010
Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1	34,04%	20.400.000.000	20.400.000.000
Và các cổ đông khác	65,96%	39.523.480.000	39.523.480.000
Cổ phiếu quỹ	-	-	(652.100.000)
Cộng	100,00%	59.923.480.000	59.271.380.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*Cho thời kỳ tài chính 6 tháng đầu năm kết thúc vào ngày 30/6/2010**(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)***VI. Thông tin bổ sung Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

1. Doanh thu	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu bán thành phẩm và hàng hoá	114.021.151.855	91.174.223.612
Trừ Các khoản giảm trừ doanh thu	405.364.136	1.267.352.332
- Chiết khấu thương mại	201.199.473	1.059.229.725
- Hàng bán bị trả lại	202.501.936	194.338.863
- Giảm giá hàng bán	1.662.727	13.783.744
Doanh thu thuần	113.615.787.719	89.906.871.280
2. Giá vốn hàng bán	Kỳ này	Kỳ trước
Giá vốn của hàng hoá, dịch vụ đã cung cấp	108.719.967.727	81.213.155.519
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(220.000.000)	-
Cộng	108.499.967.727	81.213.155.519
3. Doanh thu hoạt động tài chính	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	73.998.819	15.380.361
Cổ tức, lợi nhuận được chia	10.295.000	153.600.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	252.188.004	108.371.827
Cộng	336.481.823	277.352.188
4. Chi phí tài chính	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí lãi vay	2.984.090.326	2.134.147.679
Lỗ chênh lệch tỷ giá	122.730.551	232.826.722
Dự phòng đầu tư chứng khoán ngắn hạn	11.638.000	-
Cộng	3.118.458.877	2.366.974.401
5. Chi phí bán hàng	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí lương nhân viên	628.802.438	499.157.649
Chi phí khấu hao TSCĐ	23.817.810	20.672.467
Chi phí dự phòng	9.505.242	16.715.088
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.920.122.347	1.422.624.174
Chi phí bằng tiền khác	1.217.699.085	362.209.647
Cộng	3.799.946.922	2.321.379.025

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính 6 tháng đầu năm kết thúc vào ngày 30/6/2010

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí lương nhân viên	1.276.659.487	1.008.601.861
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	90.020.755	207.214.489
Chi phí khấu hao TSCĐ	131.469.195	79.926.378
Chi phí dự phòng	453.285.436	39.556.723
Thuế, phí và lệ phí	448.852.408	409.185.330
Chi phí dịch vụ mua ngoài	218.712.927	273.310.595
Chi phí bằng tiền khác	500.610.537	449.632.183
Cộng	3.119.610.745	2.467.427.559

7. Thu nhập khác	Kỳ này	Kỳ trước
Thu nhập do thanh lý, nhượng bán công cụ dụng cụ và phế liệu	263.877.044	330.256.996
Thu nhập do nhượng bán vật tư	32.063.630	-
Các khoản khác	13.551.575	-
Cộng	309.492.249	330.256.996

8. Chi phí khác	Kỳ này	Kỳ trước
Giá vốn vật tư nhượng bán	25.574.070	-
Xử lý các khoản công nợ không thể thu hồi	52.650.028	7.450.000
Khoản thuế thu nhập phải nộp thêm từ việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất	-	81.580.752
Chi phí phạt	11.081.848	-
Chi phí do kết chuyển giá trị còn lại của lợi thế thương mại phát sinh khi cổ phần hóa	-	-
Chi phí khấu hao của những tài sản cố định không đưa vào quá trình sản xuất, kinh doanh	-	-
Cộng	89.305.946	89.030.752

VII. Thông tin khác

1. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc thời kỳ tài chính

Công ty đang tiến hành các thủ tục pháp lý để giải thể Công ty con là Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại VLXD Thanh Thanh.

Ngoài những sự kiện như đã nêu trên, không còn sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc thời kỳ tài chính cần phải điều chỉnh hoặc phải công bố trong báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính 6 tháng đầu năm kết thúc vào ngày 30/6/2010

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

2. Nghiệp vụ với các bên hữu quan

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan chủ yếu như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Số tiền
Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1	Nhà đầu tư	Chi phí lãi vay	(53.186.666)
		Bán hàng	171.017.880
		Trả nợ gốc vay	500.000.000
Công ty cơ khí Tân Định	Cùng tập đoàn	Mua hàng	(380.252.500)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh VLXD Fico	Cùng tập đoàn	Bán hàng	986.865.283
Công ty CP Đá Phước Hoà Fico	Cùng tập đoàn	Mua hàng	1.066.932.772

Cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Số dư	Phải thu / (Phải trả)
Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1	Nhà đầu tư	Phải trả (Lãi vay)	(309.885.302)
		Phải trả khác (kinh phí đào tạo)	(700.000.000)
		Phải trả (Gốc vay)	(4.300.000.000)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh VLXD Fico	Cùng tập đoàn	Phải thu (Bán hàng)	101.980.949
Công ty CP Đá Phước Hoà Fico	Cùng tập đoàn	Phải trả (mua hàng)	(983.910.560)
Công ty cơ khí Tân Định	Cùng tập đoàn	Phải trả (mua hàng)	(226.444.254)

Biên Hoà, ngày 11 tháng 8 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc